

## 6- Công tác đào tạo và huấn luyện ATVSLĐ trong 5 năm trở lại đây

### 6.1- Các chương trình và số lớp huấn luyện dành cho công chức

#### 6.1.1- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bảng 3: Kết quả huấn luyện cho công chức do BLĐTBXH tiến hành

| Năm         | Nội dung/lớp huấn luyện                                          | Số lớp | Đối tượng                                                                      |
|-------------|------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1999</b> | - Chế độ chính sách, tiêu chuẩn, qui phạm và nghiệp vụ thanh tra | - 1    | - Thanh tra viên                                                               |
|             | - Chế độ chính sách, nghiệp vụ quản lý bảo hộ lao động           | - 2    | - Công chức                                                                    |
| <b>2000</b> | - Chế độ chính sách, tiêu chuẩn, qui phạm và nghiệp vụ thanh tra | - 1    | - Thanh tra viên                                                               |
|             | - Thông tin ATVSLĐ                                               | - 5    | - Thanh tra viên, công chức                                                    |
|             | - Giảng viên ATVSLĐ                                              | - 4    | - Công chức                                                                    |
| <b>2001</b> | - Chế độ chính sách, tiêu chuẩn, qui phạm và nghiệp vụ thanh tra | - 2    | - Thanh tra viên                                                               |
|             | - Giảng viên ATVSLĐ                                              | - 4    | - Công chức                                                                    |
| <b>2002</b> | - Nâng cao kỹ năng thanh tra an toàn – vệ sinh lao động          | 2      | - Thanh tra viên<br>- Công chức                                                |
| <b>2003</b> | - Nâng cao kỹ năng thanh tra an toàn – vệ sinh lao động          | 2      | - Thanh tra viên<br>- Công chức                                                |
| <b>2004</b> | - Nghiệp vụ an toàn–vệ sinh lao động                             | - 2    | - Cán bộ xã, phường                                                            |
|             | - Nâng cao kỹ năng thanh tra an toàn – vệ sinh lao động          | - 2    | - Giảng viên thanh tra an toàn–vệ sinh lao động (thanh tra viên, công chức...) |
|             | - Nghiệp vụ thanh tra an toàn – vệ sinh lao động                 | 1      | - Thanh tra viên                                                               |

(Nguồn: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

#### 6.1.2- Bộ Y tế

6.1.2.1 - Các cơ sở đào tạo của ngành Y tế, các cơ sở Đại học và các Viện thuộc hệ y tế dự phòng

Đối với đào tạo chuyên môn về vệ sinh lao động, giám sát môi trường và bệnh nghề nghiệp:

- Các Viện thuộc hệ YTDP (Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường, Viện Pasteur Nha Trang, Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên và Viện Vệ sinh Y tế công cộng Tp Hồ Chí Minh) và các trường thuộc ngành Y tế (Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Thái Nguyên, Đại học Y Thái Bình, Đại học Y Hải Phòng, Đại học Y Huế, Khoa Y - Đại học Tây Nguyên, Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh và Đại học Y Cần Thơ) hàng năm đều có các lớp tập huấn cho cán bộ y tế trong ngành.

#### 6.1.2.2- Các khoá đào tạo

Bảng 4: Đào tạo, huấn luyện về phòng chống bệnh bụi phổi silíc

| Thời gian        | Cán bộ y tế |            | Cán bộ quản lý |             | Công nhân |             | Tổng cộng |             |
|------------------|-------------|------------|----------------|-------------|-----------|-------------|-----------|-------------|
|                  | Số lớp      | Số HV      | Số lớp         | Số HV       | Số lớp    | Số HV       | Số lớp    | Số HV       |
| 1999             | 3           | 70         | 2              | 60          | 3         | 150         | 8         | 280         |
| 2000             | 2           | 40         | 5              | 150         | 5         | 250         | 12        | 440         |
| 2001             | 8           | 220        | 10             | 500         | 8         | 800         | 26        | 1520        |
| 2002             | 10          | 350        |                |             |           |             | 10        | 350         |
| 2003             | 5           | 250        | 9              | 450         |           |             | 14        | 700         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>28</b>   | <b>930</b> | <b>26</b>      | <b>1160</b> | <b>16</b> | <b>1200</b> | <b>70</b> | <b>3290</b> |

Bảng 5: Đào tạo, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động

| Thời gian   | Tại các địa phương, y tế ngành |               |                |
|-------------|--------------------------------|---------------|----------------|
|             | Số lớp                         | Số cơ sở      | Số học viên    |
| 2000        | 292                            |               | 25.425         |
| 2001        | 815                            | 4.587         | 56.000         |
| 2002        | 631                            | 3.738         | 64.970         |
| 2003        | 1.447                          | 6.491         | 130.579        |
| 2004        | 782                            | 4.980         | 45.069         |
| <b>Tổng</b> | <b>3.967</b>                   | <b>15.314</b> | <b>322.043</b> |

#### 6.1.3- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bảng 6: Huấn luyện an toàn – vệ sinh lao động

| Năm  | Số người được huấn luyện | Loại hình huấn luyện |
|------|--------------------------|----------------------|
| 1999 | 131.000                  | Tập trung            |
| 2001 | 130.000                  | Tập trung            |

|             |                                   |           |
|-------------|-----------------------------------|-----------|
| 2002        | 56.033<br>(do tách CD cao su)     | Tập trung |
| 2003        | 59.140                            | Tập trung |
| 2004        | 37.900<br>(do sắp xếp đổi mới DN) | Tập trung |
| <b>Tổng</b> | <b>945073</b>                     |           |

Ngoài ra, trong những năm qua ngành bảo vệ thực vật cũng đã thực hiện và phối hợp với các tổ chức, chính quyền địa phương thực hiện việc tuyên truyền phổ biến Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh và các hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, của các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật cho cán bộ, công chức trong ngành BVTV từ TW đến địa phương. Cục Bảo vệ thực vật đã phối hợp với UBND các tỉnh tổ chức triển khai Pháp lệnh ở các tỉnh trọng điểm như: Bắc Giang, Lào Cai, Thái Bình, Quảng Bình, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Đồng Tháp, An Giang, Đồng Nai, Cà Mau, Thành Phố Hồ Chí Minh .... cho các ban ngành chủ chốt của tỉnh, thành phố như Văn phòng UBND tỉnh, Chi cục quản lý thị trường, Công an, Chi cục đo lường chất lượng, các đồng chí lãnh đạo các ban ngành chủ chốt ở các huyện, thị.

Bảng 7: Huấn luyện sử dụng an toàn và hiệu quả thuốc bảo vệ thực vật

| <b>Đối tượng phổ biến, tuyên truyền pháp luật</b> | <b>1999</b><br>(số người) | <b>2000</b><br>(số người) | <b>2001</b><br>(số người) | <b>2002</b><br>(số người) | <b>2003</b><br>(số người) |
|---------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Cán bộ ở Trung ương                               | 76                        | 125                       | 172                       | 124                       | 241                       |
| Cán bộ ở địa phương                               | 295                       | 345                       | 389                       | 491                       | 533                       |
| Người kiểm định thuốc bảo vệ thực vật             | 8.073                     | 5.180                     | 6.988                     | 9.391                     | 9.782                     |

Bảng 8: Kết quả huấn luyện cho cán bộ làm công tác thanh tra, đại lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật Cấp 1, Cấp 2 trong cả nước năm 2003- 2004

| <b>Đối tượng huấn luyện</b>                                                               | <b>Số lớp</b> | <b>Số học viên</b> | <b>Ghi chú</b>         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|------------------------|
| Cán bộ làm công tác thanh tra<br>Đại lý kinh doanh thuốc BVTV C1- C2                      | 31            | 1.377              |                        |
| <b>Lớp huấn luyện giảng viên “Hướng dẫn nông dân sử dụng an toàn hiệu quả thuốc BVTV”</b> | 2             | 130                | Tại Tp. Hồ Chí Minh và |

|  |  |  |        |
|--|--|--|--------|
|  |  |  | Hà Nội |
|--|--|--|--------|

(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

#### 6.1.4– Bộ Quốc phòng

**Bảng 9: Kết quả huấn luyện cho cán bộ, công chức Bộ Quốc phòng**

| Năm         | Nội dung huấn luyện | Số lớp | số học viên | Đối tượng                     |
|-------------|---------------------|--------|-------------|-------------------------------|
| <b>2000</b> | Pháp luật ATVSLĐ    | 1      | 150         | - Cán bộ quản lí ở trung ương |
| <b>2001</b> | Pháp luật ATVSLĐ    | 1      | 150         | - Cán bộ quản lí ở trung ương |
| <b>2002</b> | Pháp luật ATVSLĐ    | 1      | 150         | - Cán bộ quản lí ở trung ương |
| <b>2003</b> | Pháp luật ATVSLĐ    | 1      | 150         | - Cán bộ quản lí ở trung ương |
| <b>2004</b> | Pháp luật ATVSLĐ    | 1      | 150         | - Cán bộ quản lí ở trung ương |
| <b>Tổng</b> |                     | 5      | 750         |                               |

(Nguồn: Bộ Quốc phòng)

### 6.2- Các chương trình và số lớp huấn luyện cho người sử dụng lao động

#### 6.2.1- Bộ Lao động– Thương binh và Xã hội

**Bảng 10: Kết quả huấn luyện cho người sử dụng lao động**

| Năm         | Chương trình                                                                                                      | Số lớp  | Đối tượng                                                                                                     |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2001</b> | Cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (WISE);                                            | 2       | Người sử dụng lao động                                                                                        |
| <b>2002</b> | - Cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ                                                  | 5       | - Người sử dụng lao động                                                                                      |
| <b>2003</b> | - Cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ<br>- Hệ thống quản lí an toàn – vệ sinh lao động | 6<br>14 | - Người sử dụng lao động<br>- Người sử dụng lao động                                                          |
| <b>2004</b> | - Cải thiện điều kiện lao động trong xây dựng và trong các làng nghề<br>- An toàn – vệ sinh lao động              | 4<br>5  | - Người sử dụng lao động, chủ hộ sản xuất kinh doanh<br>- Người sử dụng lao động, cán bộ quản lí doanh nghiệp |

*Ghi chú: Tập huấn an toàn – vệ sinh lao động do các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn của Bộ thực hiện chưa được thống kê.*

#### 6.2.2- Bộ Y tế

Bảng 11: Đào tạo, huấn luyện về phòng chống bệnh bụi phổi silíc

| Năm              | Cán bộ quản lý |             |
|------------------|----------------|-------------|
|                  | Số lớp         | Số học viên |
| 1999             | 2              | 60          |
| 2000             | 5              | 150         |
| 2001             | 10             | 500         |
| 2002             | -              | -           |
| 2003             | 9              | 450         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>26</b>      | <b>1160</b> |

#### 6.2.3- Bộ Công nghiệp

- Phổ biến các quy định pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động;
- Huấn luyện chuyên đề an toàn mỏ, an toàn điện, an toàn xây dựng, an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh trong ngành công nghiệp như thiết bị nâng, thiết bị áp lực, cơ khí, vật liệu nổ công nghiệp;
- Số lượng người được huấn luyện trong 3 năm (2001-2003): 15.000 lượt.

### 6.3- Các chương trình và số lớp huấn luyện cho người lao động

#### 6.3.1- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Bảng 12: Huấn luyện cho người lao động

| Năm  | Nội dung/ tên lớp                              | Số lớp | Đối tượng                                     |
|------|------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------|
| 2001 | Cải thiện điều kiện lao động trong nông nghiệp | 4      | Nông dân                                      |
| 2002 | An toàn – vệ sinh lao động trong nông nghiệp   | 3      | Nông dân                                      |
| 2003 | An toàn – vệ sinh lao động trong nông nghiệp   | 8      | Nông dân                                      |
| 2004 | An toàn vệ sinh lao động trong nông nghiệp     | 9      | - Giảng viên an toàn – vệ sinh lao động trong |

|  |  |  |                                           |
|--|--|--|-------------------------------------------|
|  |  |  | nông nghiệp (1 lớp)<br>- Nông dân (8 lớp) |
|--|--|--|-------------------------------------------|

*Ghi chú: Tập huấn an toàn – vệ sinh lao động do các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn của BLDTBXH thực hiện chưa được thống kê.*

### 6.3.2- Bộ Y tế

Bảng 13: Đào tạo, huấn luyện về phòng chống bệnh bụi phổi silíc

| Năm              | Số lớp    | Số học viên |
|------------------|-----------|-------------|
| 1999             | 3         | 150         |
| 2000             | 5         | 250         |
| 2001             | 8         | 800         |
| 2002             | -         | -           |
| 2003             | -         | -           |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>16</b> | <b>1200</b> |

### 6.3.3- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bảng 14: Tập huấn về sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân

| Năm         | Số học viên    |
|-------------|----------------|
| 1999        | 51.000         |
| 2000        | 140.864        |
| 2001        | 76.517         |
| 2002        | 88.082         |
| 2003        | 128.716        |
| <b>Tổng</b> | <b>485.179</b> |

Bảng 15: Kết quả công tác huấn luyện nông dân năm 2003-2004 thông qua các cuộc thi tìm hiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

| Số TT | Tỉnh, thành phố | Số huyện triển khai | Số nông dân được huấn luyện | Số nông dân dự cuộc thi | Số nông dân theo dõi cuộc thi | Tổng số nông dân được đào tạo |
|-------|-----------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1     | Phú Thọ         | 5                   | 1.495                       | 600                     | 35.000                        | 37.095                        |
| 2     | Nghệ An         | 4                   | 640                         | 250                     | 500.000                       | 1.390                         |
| 3     | Bắc Ninh        | 3                   | 250                         | 500                     | 250.000                       | 1.000                         |
| 4     | Hải Phòng       | 6                   | 1.345                       | 500                     | 288.000                       | 2.133                         |

|   |                  |           |              |              |                  |                  |
|---|------------------|-----------|--------------|--------------|------------------|------------------|
| 5 | Hồ Chí Minh      | 8         | 280          | 500          | 300.000          | 300.780          |
| 6 | Lâm Đồng         | 10        | 350          | 300          | 500.000          | 500.650          |
| 7 | Vĩnh Phúc        | 5         | 175          | 500          | 500.000          | 500.675          |
|   | <b>Tổng cộng</b> | <b>41</b> | <b>4.535</b> | <b>3.150</b> | <b>2.373.000</b> | <b>2.380.685</b> |

#### 6.3.4 - Bộ Công nghiệp

- Trong 5 năm (2000 - 2004) Bộ Công nghiệp đã tổ chức 1311 lớp huấn luyện cho 300.000 lượt người, trong đó 358 lớp cho công nhân mới tuyển; 693 lớp huấn luyện định kỳ và 260 lớp huấn luyện chuyên đề đối với công nhân vận hành máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn – vệ sinh lao động.

#### 6.3.5 - Bộ Quốc phòng

- Trong 5 năm từ 200-2004, Bộ quốc phòng đã mở được 1300 lớp cho 125.000 lượt học viên với các chuyên đề như an toàn trong xây dựng, an toàn điện, lái cần cẩu, sử dụng máy vận thăng....

### 6.4- Các hoạt động huấn luyện ATVSLĐ do các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động, người lao động chủ trì

#### 6.4.1- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

- Từ năm 1999, VCCI đã tiến hành khoảng 20 khoá đào tạo, huấn luyện về ATVSLĐ cho khoảng 700 người sử dụng lao động ở những nơi có chi nhánh của VCCI. Các chương trình đào tạo chủ yếu dành cho NSDLĐ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa về chương trình 5S và cải thiện điều kiện làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Dự án sáng kiến liên kết doanh nghiệp (200-2004) cũng đã tổ chức 29 lớp huấn luyện với sự tham gia của gần 1,000 lãnh đạo, cán bộ chuyên trách ATVSLĐ, tổ trưởng, đốc công của hơn 50 xí nghiệp da giày trên cả nước. Các khóa học tập trung vào những vấn đề ATVSLĐ và môi trường nói chung, và những vấn đề về hóa chất, an toàn máy...;

-

#### 6.4.2- Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam

- Đã tổ chức 25 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý lồng ghép ATVSLĐ cho trên 1000 cán bộ quản lý các hợp tác xã; 2 lớp tập huấn về nghiệp vụ quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường cho 120 cán bộ Liên minh các tỉnh, thành phố.

*6.4.3- Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và công đoàn các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng cùng cấp huấn luyện cho cán bộ làm công tác bảo hộ lao động, cán bộ quản lý và an toàn - vệ sinh viên*

**Bảng 16: Kết quả huấn luyện do công đoàn phối hợp thực hiện**

| <b>Năm</b>  | <b>Số lượt người</b> |
|-------------|----------------------|
| 2000        | 377.703              |
| 2001        | 279.252              |
| 2002        | 526348               |
| 2003        | 699738               |
| 2004        | 544.396              |
| <b>Tổng</b> | <b>2.427.437</b>     |

***Nội dung huấn luyện:***

- + Chính sách, pháp luật về an toàn - vệ sinh lao động;
- + Vai trò, nhiệm vụ, phương pháp hoạt động của công đoàn các cấp trong an toàn - vệ sinh lao động;
- + Phương pháp hoạt động của an toàn - vệ sinh viên;
- + Một số vấn đề cơ bản về kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động.

***6.5- Danh sách các khoá đào tạo liên quan đến ATVSLĐ do các trường đại học và chuyên nghiệp tiến hành. Số lượng học viên tốt nghiệp hàng năm theo các khoá đào tạo***

- + Trường Đại học Công đoàn Việt Nam: từ năm 1996 - 2004 đã đào tạo 540 kỹ sư bảo hộ lao động hệ chính qui tập trung;
- + Trường đại học y tế công cộng: Mới thành lập năm 2002;
- + Trường đại học Y khoa Hà nội: Khoa Y học lao động;
- + Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề kỹ thuật khác.

***6.6- Các tổ chức tiến hành huấn luyện theo yêu cầu của pháp luật***

- *Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:* Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 08/LĐTBXH-TT ngày 11/4/1995 và Thông tư số 23/LĐTBXH – TT ngày 19/9/1995 hướng dẫn về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động. Đối tượng được huấn luyện là người lao động, người sử dụng lao động làm việc trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế. Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện cho người lao động. Các Sở lao động- Thương binh và Xã hội tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động thuộc địa bàn và quyết định giáo viên cho các lớp của mình. Bộ LĐ-TBXH



cùng với Bộ, ngành chủ quản quyết định giáo viên cho các lớp của Bộ, ngành chủ quản.

- *Bộ Công An:* Theo qui định của Luật phòng cháy, chữa cháy, người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với các chất nguy hiểm về cháy, nổ phải được huấn luyện và có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy huấn luyện, bồi dưỡng, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, điều động và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

- *Bộ Công nghiệp:* Theo qui định của Luật điện lực, Bộ Công nghiệp quy định tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện, cấp thẻ an toàn và hướng dẫn các biện pháp an toàn điện. Người vận hành, sửa chữa điện phải có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp chuyên ngành điện do cơ sở dạy nghề cấp; Có thẻ an toàn do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện do tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương cấp.

#### ***6.7- Các yêu cầu huấn luyện chuyên gia trong 5 năm trở lại đây***

- Chưa có điều luật nào qui định cụ thể về tiêu chuẩn huấn luyện chuyên gia.
- Không có số liệu thống kê cụ thể về số lượt chuyên gia được huấn luyện.

#### ***6.8- Các cơ quan huấn luyện an toàn – vệ sinh lao động***

- Trung tâm Huấn luyện an toàn – vệ sinh lao động thuộc Cục An toàn lao động, BLĐTBXH là cơ quan chuyên trách huấn luyện an toàn – vệ sinh lao động ở Việt Nam, thành lập năm 2004.

- Theo qui định của pháp luật, Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn huấn luyện an toàn–vệ sinh lao động cho cán bộ các Bộ, ngành. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ các đơn vị thuộc quyền quản lý. Sở lao động– Thương binh và Xã hội huấn luyện cho người sử dụng lao động của các doanh nghiệp của địa phương.

- Đối với đào tạo chuyên môn về vệ sinh lao động, giám sát môi trường và bệnh nghề nghiệp, các Viện thuộc hệ Y tế dự phòng (Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường, Viện Pasteur Nha Trang, Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên và Viện Vệ sinh Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh) và các trường thuộc ngành y tế (Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Thái Nguyên, Đại học Y Thái Bình, Hải Phòng, Đại học Y Huế, Khoa Y Đại học Y Tây Nguyên, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Y Cần Thơ) .

- Công đoàn các cấp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cũng tham gia vào các hoạt động huấn luyện về an toàn–vệ sinh lao động.